UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34 /GCN-SXD(GĐCL)	*Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần tư vấn Việt Delta; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 14/6/2024; Biên bản đánh giá (nội dung bổ sung khắc phục các tồn tại) ngày 30/7/2024.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn Việt Delta.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101924745 đăng ký lần đầu ngày 20/4/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại/Fax: 024.36830844 Email: vietdelta2006@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Việt Delta.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 11 ngách 11 ngõ 1295 Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.091**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty CP tư vấn Việt Delta;
- Bộ Xây dựng; (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;
- Lưu: VT, GĐCL(ĐC. Hoan, 05b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thế Công

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.091

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 74 /GCN-SXD(GĐCL) ngày 09 tháng 8 năm 2024)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605 :2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
4	Xác định thành phần hạt	TCVN7572-2:2006
5	Xác định thành phần thạch học	TCVN7572-3:2006
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN7572-4:2006
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN7572-5:2006
8	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN7572-6:2006
9	Xác định độ ẩm	TCVN7572-7:2006
10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN7572-8:2006
11	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN7572-9:2006
12	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN7572-10:2006
13	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:2006
14	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN7572-12:2006
15	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006
16	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN7572-14:2006
17	Xác định hàm lượng clorua	TCVN7572-15:2006
18	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:2006
19	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN7572-18:2006
20	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN7572-20:2006
21	Xác định hệ số đương lượng (ES)	ASTM D2419-02
III	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**	
22	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1 :2022
23	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3 :2022
24	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6 :2022
25	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8 :2022
26	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9 :2022
27	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10 :2022
28	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11 :2022
29	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12 :2022
30	Xác định hàm lượng ion chloride hoà tan trong nước	TCVN 3121-17 :2022
31	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18 :2022
32	Xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim vicat cải biến	TCVN 8875:2012
33	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012

IV	**HỖN HỢP BÊ TÔNG**	
34	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 2022
35	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107: 2022
36	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 1993
37	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109: 2022
38	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110: 1993
39	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111: 2022
40	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112: 2022 ASTM C642
41	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113: 2022
42	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114: 2022
43	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115: 2022
44	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116: 2022
45	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117: 2022 ASTM C157
46	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
47	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118: 2022
48	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119: 2022
49	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120: 2022
50	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi	TCVN 5726: 2022
51	Xác định độ chảy lan của bê tông tự chèn	TCVN 12209:2018 ;
52	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239-2006
V	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG**	
53	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854;
54	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216;
55	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ; ASTM D4318 ;
56	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 ; ASTM C136, D421, D422 ;
57	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995;ASTM D3080
58	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435;
59	Quy trình đàm nén xác định độ chặt tiêu chuẩn,đầm nén Proctor	TCVN 4201:2012; TCVN 12790 :2020 ; 22TCN 333:2006 ; ASTM D1557, D698 ;
60	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D2937; AASHTO T204
61	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020 ASTM D1883

62	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD)	TCVN 8868:2011 ASTM D2850; ASTM D4767; BS 1377
63	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D 2166:2016
64	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012 ASTM D2434
65	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
66	Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012
67	Xác định khối lượng thể tích khô nhỏ nhất và lớn nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
68	Xác định đặc tính co ngót	TCVN 8720:2012
69	Xác định góc nghỉ tự nhiện của đất rời	TCVN 8724:2012
70	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012;
VI	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ XÂY DỰNG TRONG PHÒNG**	
71	Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
72	Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
73	Phương pháp xác định mô đun đàn hồi của đá phòng thí nghiệm	ASTM D 3148
74	Phương pháp xác định cường độ kháng kéo của đá phòng thí nghiệm	ASTM D 3967
75	Phương pháp xác định độ bền cắt của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014
VII	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN**	
76	Thử kéo, nén, uốn, uốn lại của kim loại	TCVN 197-1:2014; TCVN 198:2008; TCVN 7937-1:2013; TCVN 6287:1997; TCVN 314:2008;
77	Mối hàn kim loại: Thử kéo ngang, thử uốn, va đập	TCVN 5401:10, TCVN 5402:10 TCVN 8310:10
78	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm (UT)	TCVN 6735: 2018
79	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp thẩm thấu (PT)	TCVN 4617-2:2018
80	Kiểm tra không phá hủy mối hàn- Phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396:2018
81	Vật liệu kim loại ống - thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
82	Thử kéo bu lông, thép cường độ cao	TCVN 1916:1995 TCVN 197-1:14
83	Thép cốt bê tông: Thử kéo mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-2:2023;
84	Thử nghiệm khả năng chịu tải nắp hố ga cống và song chắn rác bằng gang	TCVN 10333-3:2014

VIII	**THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG/ NHỰA ĐƯỜNG LỎNG**	
85	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05
86	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05
87	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
88	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:05
89	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05
90	Xác định độ hoà tan trong Trichloroethylene và N-Propyl Bromide	TCVN 7500:2023
91	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05
92	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05
93	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05
IX	**THỬ NGHIỆM NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT**	
94	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
95	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011;
96	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
97	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
98	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
99	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
100	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
101	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
102	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
103	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
104	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
105	Xác định độ bám dính với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:2011
106	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011;
107	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
108	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
109	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN8818-5:2011;
X	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA**	
110	Xác định tỷ lệ thành phần hạt, Xác định lượng mất khi nung, Xác định hàm lượng nước, Xác định khối lượng riêng, Xác định độ trương nở, Xác định chỉ số về hàm lượng nhựa; Xác định thành phần hạt, Xác định độ ẩm, Xác định hệ số thích nước	22 TCN 58:84; TCVN12884-2:2020
XI	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011;
111	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011;
112	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
113	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011;
114	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
115	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
116	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
117	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
118	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011

119	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
120	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
121	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
122	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dínhA	TCVN 8862:2011;
XII	**THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**	
123	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020;
124	Xác định độ chặt nền móng đường phễu rót cát	22TCN 346:2006;
125	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864: 2011
126	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861: 2011
127	Áo đường mềm - Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867: 2011
128	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866: 2011
129	Kết cấu bê tông cốt thép - Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
130	Bê tông cốt thép - Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn - Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
131	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13537:2022
132	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12
133	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
134	Cọc khoan nhồi – Phương pháp xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông	TCVN 9396: 2012
135	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
136	Thí nghiệm cắt cánh tại hiện trường (FVT)	TCVN 10184:2021;
137	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351: 12
138	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
139	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821: 2011
140	Xác định cường độ kéo nhổ bê tông	TCVN 9490:2012
141	Cọc khoang nhồi: Xác định hình dạng hình học hố khoan, kiểm tra độ nghiêng, sạt lở của hố khoan	TCVN 9395:2012
142	Cọc - kiểm tra chất lượng bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12
143	Cọc – Phương pháp thử động biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:06
144	Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
145	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp vật liệu rời làm móng đường – PP chùy xuyên động (DCP)	TCVN 10272:2014
XIII	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONITE**	
146	Bentonite: Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Lượng tách nước; Độ dày áo của sét; Lực cắt tĩnh; Tính ổn định, Độ pH	TCVN 11893:17;
XIV	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA CÁC LOẠI GẠCH**	

147	**Gạch Bê tông:** Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
148	**Gạch bê tông tự chèn:** Xác định thước, khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, cường độ uốn, độ hút nước, độ rỗng	TCVN 6476:1999
149	Gạch xây: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355 - 1: 09
150	Gạch xây: Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6355 - 2: 09
151	Gạch xây: Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 6355 - 3: 09
152	Gạch xây: Xác định độ hút nước	TCVN 6355 - 4: 09
153	Gạch xây: Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355 - 5: 09
154	**Gạch xây: Xác định độ rỗng**	TCVN 6355-6:2009
155	**Gạch Terazzo:** Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước, Xác định độ hút nước bề mặt, Xác định độ chịu mài mòn, Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
156	**Gạch granito:** Gạch Granito: Kích thước ngoại quan; mài mòn; độ chịu lực va đập xung kích; độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
XV	**THỬ NGHIỆM GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT**	
157	Kiểm tra kích thước, hình dạng	TCVN 6415-2:2016
158	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
159	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
160	Xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415-5:2016
161	Xác đinh độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
162	Xác đinh độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
163	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016
164	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016
165	Đá ốp lát tự nhiên: Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ mài mòn	TCVN 4732:2016;
166	**Bê tông nhẹ**: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước, Xác định độ co khô	TCVN 9030 :2017
XVI	**THỬ NGHIỆM GỖ TỰ NHIÊN**	
167	Gỗ tự nhiên- Xác định khối lượng riêng	TCVN 13707-2:2023
168	Gỗ tự nhiên- Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023
169	Gỗ tự nhiên- Thử nghiệm nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023
170	Gỗ tự nhiên- Xác định độ bền kéo song song với thớ	TCVN 13707-6:2023
171	Gỗ tự nhiên- Xác định độ bền kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-7:2023
172	Gỗ tự nhiên- Xác định độ bền cắt song song với thớ	TCVN 13707-8:2023
XVII	**THƯ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG**	
173	Kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ cong vênh	TCVN 7219:18; TCVN 9808:13; TCVN7527:05; TCVN 7528: 08;
174	Độ bền va đập, phá vỡ mẫu,	TCVN 7368: 13; TCVN 7455:13
XVIII	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ TẤM THẠCH CAO, BỘT BẢ**	
175	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuôn góc của cạnh	TCVN 8257-1: 23
176	Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi	TCVN 8257-2: 23

177	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3: 23
178	Xác định độ kháng nhổ đinh	TCVN 8257-4: 23
179	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5: 23
180	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6: 23
181	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7: 23
182	Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-8: 23
183	Bộ bả tường gốc xi măng: Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính, độ giữ nước	TCVN 7239:14
XIX	**PHÉP THỬ PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG**	
184	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
185	Xác định hàm lượng cặn	TCVN 4560:1988
186	Xác định độ kiềm HCO_3^-, Xác định khí cácbonic (CO_2 tự do và ăn mòn)	TCXD 81:1981
187	Xác định độ cứng: cacbonat, toàn phần, không cacbonat	TCXD 81:1981
188	Canxi (Ca^{++}), Magie (Mg^{++}), Clorua (Cl^-), Sunphat (SO_4^{--}), Natri (Na+), Kali (K+)	TCXD 81:1981 TCVN 6194:1996 TCVN 6200:1996
189	Độ oxi hoá	TCXD 81:1981
190	Hyđro Sunphua và các Sunphua	TCXD 81:1981
191	Nitrit (NO_2^-); Nitrat (NO_3^-)	TCXD 81:1981
192	Amoniac và Amoni	TCXD 81:1981
193	Tính cặn sấy khô ở 105^0C	TCXD 81:1981
194	Hàm lượng cặn không tan sấy khô ở 105^0C, 600^0C	TCXD 81:1981
XX	**THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN**	
195	Đo chiều dày cách điện, Đo chiều dày vỏ bọc, Đo các kích thước ngoài, Thử nghiệm điện trở cách điện, Thử nghiệm kéo giật	TCVN 6610-2:2007
196	Đo điện trở ruột dẫn	TCVN 6612:2007
197	Độ bền kéo, Độ độ giãn dài khi đứt, Đo chiều dày cách điện, Đo chiều dày vỏ bọc phi kim loại, Đo kích thước ngoài	TCVN 6614-1-1:2008
XXI	**THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, HDPE VÀ PHỤ KIỆN**	
198	Kiểm tra kích thước – độ dày	TCVN 6145: 2007
199	Xác định độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 7434:2004
200	Xác định độ bền áp suất bên trong	TCVN 6149: 2007
201	Xác định độ bền va đập	TCVN 6144: 03
XXII	**THỬ NGHIỆM SƠN, VECNI**	
202	Xác định độ mịn	TCVN 2091:15
203	Xác định thời gian chảy	TCVN 2092:13
204	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 1058-1:2014
205	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
206	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:15
207	Xác định độ bền lớp phủ	TCVN 2097:15
208	Xác định độ cứng của màng sơn bằng phương pháp thử dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098:2007

209	Xác định độ bền uốn của màng	TCVN 2099:13
210	Xác định độ bền va đập của màng	TCVN 2100:13
211	Xác định chiều dày màng sơn khô bằng phương pháp không phá huỷ	TCVN 9406:2012
212	Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2024
213	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5:2024

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.